TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/KDTM- ST
Ngày 19/7/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Đào Quốc Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2022/KDTM-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH D

Địa chỉ trụ sở: Khu B, Khu công nghiệp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thanh T. (có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất – Xây dựng M

Địa chỉ trụ sở: Số 320/25 đường Đ, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn H – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH B có người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Công ty TNHH D (Sau đây gọi tắt là "Công ty D") và Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất – Xây dựng M (Sau đây gọi tắt là "Công ty M") đã ký kết các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng về việc Công ty D bán các sản phẩm cọc bê tông cho Công ty M thi công tại các dự án, cụ thể như sau:

- Dự án Nhà Máy Điện Mặt Trời Sao Mai:

Thỏa thuận Hợp đồng cung cấp cọc số 001/2020/SL.HĐKT.SM.ML-620ĐT ký ngày 26/6/2020. Giá trị Hợp đồng tạm tính: 4.608.450.000 đồng, tương ứng khối lượng cọc 15.000 md.

Phụ lục Hợp đồng số 01, ký ngày 27/6/2020 về việc mua bổ sung cọc bê tông. Giá trị Phụ lục Hợp đồng tạm tính: 4.838.872.500 đồng.

Phụ lục Hợp đồng số 02, ký ngày 24/9/2020 về việc mua bổ sung cọc bê tông. Với khối lượng mua hàng bổ sung là 41.182 md.

- Dự án Nhà Máy Điện Mặt Trời Bình Phước:

Đơn đặt hàng số: 01/SL-LN/62 ĐT ký ngày 10/3/2020.

- Dự án Nhà Bè Metrocivy GS Giai đoạn 1-1Nhà Bè Metrocivy GS Giai đoạn 1

Hợp đồng cung cấp cọc số: 41/2020/HĐ/BT620 ký ngày 01/10/2020. Giá trị Hợp đồng tạm tính là: 4.189.680.000 đồng.

Phụ lục Hợp đồng số 01, ký ngày 08/10/2020 về việc điều chỉnh tên công trình.

Giá trị Hợp đồng tạm tính theo đơn giá, khối lượng quyết toán là khối lượng giao nhận thực tế tại công trình. Các bên thực hiện giao hàng và đối chiếu khối lượng giao nhận từng đợt.

Công ty Đồng Tâm đã thực hiện giao hàng và xuất hóa đơn cho Công ty Mai Lam tương ứng theo từng dự án nêu trên. Công ty Mai Lam đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty D một phần giá trị quyết toán. Chi tiết như sau:

Tên dự án	Giá trị nghiệm thu và xuất hóa đơn (VNĐ) (Đã có thuế GTGT)	Số tiền Cty M đã tạm ứng và thanh toán (VNĐ)	Công nợ còn lại Công ty M chưa thanh toán (VNĐ)
Nhà Máy Điện Mặt Trời Sao Mai	13.263.672.114	9.757.169.561	3.506.502.553
Nhà Máy Điện Mặt Trời Bình Phước	8.750.000	0	8.750.000
Nhà Bè Metrocivy GS Giai đoạn 1-1	4.375.710.900	1.580.880.000	2.794.830.900
Tổng cộng	17.648.133.514	11.338.049.561	6.310.083.953

Số tiền công nợ 6.310.083.953 đồng (Sáu tỷ ba trăm mười triệu không trăm tám mươi ba ngàn chín trăm năm mươi ba đồng) nêu trên Công ty M đã đối chiếu xác nhận với Công ty Đồng Tâm theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/3/2021.

Công ty D đã nhiều lần yêu cầu Công ty M thanh toán khoản công nợ tồn nêu trên nhưng Công ty M vẫn thanh toán chậm trễ, và đến nay vẫn chưa hoàn tất thanh toán dứt điểm công nợ.

Ngày 18/5/2021, Công ty D đã gửi Thư nhắc nợ và thông báo trước khi khởi kiện, yêu cầu Công ty M thanh toán công nợ tồn đọng là 6.310.083.953 đồng như nêu trên. Ngày 20/5/2021, Công ty M đã gửi văn bản phản hồi cho Công ty D đã xác nhận công nợ là 6.310.083.953 đồng (Sáu tỷ ba trăm mười triệu không trăm tám mươi ba ngàn chín trăm năm mươi ba đồng).

Theo đơn khởi kiện, Công ty D khởi kiện yêu Công ty M trả số tiền nợ còn thiếu là 6.310.083.953 đồng (Sáu tỷ, ba trăm mười triệu không trăm tám mươi ba ngàn chín trăm năm mươi ba đồng) và tiền lãi. Trong quá trình hòa giải tại Tòa Công ty M đã trả dần cho Công ty D số tiền nợ còn vì vậy Công ty D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nay Công ty D yêu cầu Công ty M phải thanh toán cho Công ty D số tiền còn thiếu gốc là 3.009.329.257 đồng (Ba tỷ không trăm lẻ chín triệu ba trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng), lãi là 368.379.643 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng), tổng số tiền gốc và lãi là 3.377.708.900 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn chín trăm đồng).

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty M người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh Hiếu trình bày:

Căn cứ vào các hồ sơ đã ký giữa Công ty M và Công ty D bao gồm:

1. Dự án Nhà máy điện mặt trời Sao Mai:

Hợp đồng kinh tế số: 001/2020/SL.HĐKT.SM.ML-620ĐT ký ngày 26/6/2020

- Phụ lục hợp đồng số 02 ký ngày 24/9/2020

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng nghiệm thu 5 đợt từ ngày 15/8/2020 đến ngày 07/11/2020

2. Dự án Nhà máy điện mặt trời Bình Phước:

Đơn hàng số 01/SL-LN/620 ĐT ngày 10/3/2020

3. Dự án Nhà Bè Metrocity GS Giai đoạn 1-1

Hợp đồng cung cấp cọc số 41/2020/HĐ/BT620 ký ngày 01/10/2020

- Phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 08/10/2020

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng nghiệm thu đợt 1 ký ngày 25/11/2020

Tổng giá trị hóa đơn Công ty D đã xuất (có VAT): 17.648.133.514 đồng; Giá trị theo hồ sơ đã thanh toán được duyệt: 16.547.378.818 đồng; Giá trị Công ty M đã tạm ứng, thanh toán cho Công ty Đồng Tâm: 12.038.049.561 đồng; Giá trị còn nợ theo hồ sơ thanh toán được duyệt: 4.509.329.257 đồng.

Về nguyên nhân chưa thanh toán hết công nợ cho Công ty D: Do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, việc hoàn thành thi công, nghiệm thu và thanh toán các dự án gặp nhiều khó khăn, chưa ký hết được quyết toán và chưa nhận đủ thanh toán. Việc giá trị vật tư tăng cao nên Công ty D không thể tiếp tục cấp cọc để hoàn thành đủ số lượng của hợp đồng số: 41/2020/HĐ/BT620, dẫn đến việc thanh quyết toán gặp nhiều khó khăn. Theo điều khoản hợp đồng thì "trên cơ sở giá trị khối lượng Tổng thầu đã thanh toán cho Công ty M, hai bên tiến hành lập hồ sơ quyết toán và biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục" cần Công ty D cử nhân sự phối hợp để hoàn thành các hồ sơ trên bao gồm các khấu trừ, phạt (nếu có)…

Nếu Công ty D đồng ý cho thanh toán số tiền gốc, không tính lãi thì Công ty M sẽ thanh toán cho Công ty D theo tiến độ: Chậm nhất ngày 30/6/2022 thanh toán 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Thanh toán còn lại của giá trị còn nợ theo hồ sơ thanh toán được duyệt: Chia đều cho 06 tháng bắt đầu từ 30/6/2022. Trong trường hợp Công

ty M ký được quyết toán và được thanh toán sớm hơn Công ty M sẽ thanh toán sớm hơn cho Công ty D. Nếu Công ty D không đồng ý bỏ tiền lãi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại Đơn khởi kiện và Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đồng Tâm yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền 3.377.708.900 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn chín trăm đồng) mua hàng hóa còn thiếu. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty M, địa chỉ trụ sở tại số 320/25 đường Đ, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với Người đại diện theo ủy quyền của của bị đơn nhưng Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

3. Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 3.009.329.257 đồng (Ba tỷ không trăm lẻ chín triệu ba trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng), lãi là 368.379.643 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng), tổng số tiền gốc và lãi là 3.377.708.900 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn chín trăm đồng) theo hợp đồng kinh tế số 001/2020/SL.HĐKT.SM.ML-620ĐT ký ngày 26/6/2020 và Hợp đồng số 41/2020/HĐ/BT620 ký ngày 01/10/2020.

Xét thấy, tại Hợp đồng mua bán số 001/2020/SL.HĐKT.SM.ML-620ĐT ký ngày 26/6/2020 và Hợp đồng số 41/2020/HĐ/BT620 ký ngày 01/10/2020 các bên thỏa thuận Công ty D bán các sản phẩm cọc bê tông cho Công ty M thi công tại các dự ánDự án Nhà máy điện mặt trời Sao Mai, Dự án Nhà máy điện mặt trời Bình Phước, Dự án Nhà Bè Metrocity GS Giai đoạn 1-1. Công ty M đã xác nhận công nợ là còn nợ Công ty D số tiền 6.310.083.953 đồng (Sáu tỷ ba trăm mười triệu không trăm tám mươi ba ngàn chín trăm năm mươi ba đồng). Công ty M đã thanh toán nhiều lần cho Công ty D, còn nợ lại số tiền 3.009.329.257 đồng (Ba tỷ không trăm lẻ chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng) chưa thanh toán.

Bị đơn cũng thừa nhận số tiền còn nợ của Nguyên đơn nhưng xin trả dần tuy nhiên không được phía Nguyên đơn chấp nhận nên cần buộc bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền còn thiếu gốc là 3.009.329.257 đồng (Ba tỷ không trăm lẻ chín triệu ba

trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng), lãi là 368.379.643 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng), tổng số tiền gốc và lãi là 3.377.708.900 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn chín trăm đồng).

Về thời hạn thanh toán: Việc chậm thanh toán của bị đơn đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên bị đơn phải trả một lần toàn bộ nợ gốc cho nguyên đơn sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, buộc bị đơn Công ty M phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 3.377.708.900 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn chín trăm đồng) nên bị đơn phải nộp án phí là 99.554.178 (Chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi tám) đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.4 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 57.254.417 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 266, 267, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH D.

Công ty TNHH Thương mại sản xuất xây dựng M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền gốc là 3.009.329.257 đồng (Ba tỷ không trăm lẻ chín triệu ba trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng), lãi là 368.379.643 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng), tổng số tiền gốc và lãi là 3.377.708.900 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn chín trăm đồng).

Phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại sản xuất xây dựng M phải nộp số tiền án phí là 99.554.178 (Chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi tám) đồng.

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH D số tiền tạm ứng án phí 57.254.417 (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm mười bảy) đồng theo biên lai thu số 0020413 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý